**Tiết 19,20: Đọc – hiểu văn bản (2)**

**ÔNG ĐỒ**

**– *Vũ Đình Liên* –**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ap_20091011061527191** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***a. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ năm chữ (Số lượng, dòng, chữ, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...) và những tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho ông đồ thể hiện qua bài thơ.

- Biết phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ (ẩn dụ, nhân hóa..) trong thơ.

***b. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

**- Nhân ái**: Yêu thương những người thân trong gia đình,trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc.

**\* Với HSKT, các nội dung trên chỉ yêu cầu ở mức độ nhận biết**

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Máy chiếu, máy tính, ti vi, KHBD,…

**2. Học liệu:**

- SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu chung VB** | |
| **Tác giả** | - Năm sinh-năm mất, quê quán  - Vị trí  - Phong cách sáng tác  - Sáng tác tiêu biểu: |
| **Xuất xứ** |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** |
| - Thể thơ |  |
| -PTBĐ |  |
| - Đặc điểm  + số dòng/ khổ  + Số tiếng/ dòng  + Gieo vần  + Ngắt nhịp |  |
| - Nhân vật trữ tình |  |
| - Đối tượng trữ tình |  |
| - Bố cục |  |
| - Mạch cảm xúc |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong bài thơ**  **Đọc kĩ các khổ thơ trong văn bản hoàn thành PHT** | | |
| Khổ thơ | Dấu hiệu nghệ thuật | Tác dụng, ý nghĩa |
|  |  |  |
|  |  |  |

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi tri thức nền, tạo tâm thế học sinh bước vào giờ học.

**b. Nội dung:** Học sinh chia sẻ hiểu biết về ông đồ và vai trò của ông đồ trong xã hội phong kiến.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động:**

Chia sẻ hiểu biết của em về “Ông đồ” và vai trò của ông đồ trong xã hội phong kiến xưa.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, tìm kiếm kiến thức trả lời.

- GV quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ học sinh thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**- HS phát biểu ý kiến cá nhân.**

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ học tập, câu trả lời của học sinh.

- GV cho HS quan sát một số hình ảnh về nhà nho và vị trí của nhà nho trong XH

phong kiến xưa.

**Lời vào bài*:*** *Ông đồ là nhà Nho không đỗ đạt, sống thanh bần bằng nghề dạy học. Theo phong tục xưa, khi Tết đến, người ta thường sắm câu đối hoặc một đôi chữ Nho viết trên giấy đỏ dán lên vách, cột vừa để trang hoàng nhà cửa ngày Tết, vừa gửi gắm lời chúc tốt lành.*

*- Từ đầu thế kỉ XX, dưới chế độ thực dân phong kiến khi chế độ thi cử bằng chữ Hán bị bãi bỏ - khi nền Hán học suy tàn thì nhà nho và chữ Nho không còn được coi trọng nữa. Nhà thơ Tú Xương từng thốt lên “Thôi có làm chi cái chữ Nho/ Ông nghè, ông cống cũng nằm co”. Trẻ con không còn đi học chữ Nho của ông đồ, mà vào các trường Pháp - Việt học chữ Pháp, chữ quốc ngữ. Nỗi buồn thương cảm cho những ông đồ “cái di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn” được Vũ Đình Liên gửi gắm qua bài “Ông đồ”.*

**



**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:**

**- Nắm được** về tác giả, tác phẩm.

- Biết nhận diện đặc điểm hình thức thể thơ năm chữ một số yếu tố hình thức của thơ năm chữ (số lượng dòng, chữ, vần, nhịp..).

- Nhận biết về những tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua bài thơ: niềm yêu mến trân trọng nhà nho và chữ Nho, niềm xót xa tiếc nuối trước sự vắng bóng của ông đồ cho nét đẹp văn hóa cổ truyền không còn nữa.

- Biết phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

**b**. **Nội dung:** vận dụng kĩ năng đọc hu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu những đặc điểm thể loại, KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, bài tập dự án...

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện, câu trả lời của học sinh.

d.**Tổ chức hoạt động**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | | | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thực hiện cá nhân nhiệm vụ học tập với phiếu học tập 1   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu chung VB** | | | **Tác giả** | - Năm sinh:  - Quê quán:  - Vị trí:  - Phong cách sáng tác  - Tác phẩm tiêu biểu | | **Xuất xứ** |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phiếu học tập 1 đã chuẩn bị, suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo ,thảo luận**  - GV gọi 2 – 3 HS báo cáo, HS khác theo dõi, chia sẻ, bổ sung thêm thông tin tìm hiểu được.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh đánh giá bản thân và phần trả lời của bạn.  - Giáo viên đánh giá phần chuẩn bị bài của học sinh và kết luận một số thông tin chính về tác giả, tác phẩm. | | | | | **A. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Vũ Đình Liên (1913-1996), quê ở Hải Dương nhưng chủ yếu sống ở Hà Nội  - Là một trong những nhà thơ đi đầu của phong trào Thơ mới  - Phong cách sáng tác: mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ  - Sáng tác tiêu biểu: *Ông đồ, Lòng ta là những hàng thành quách cũ, Luỹ tre xanh, Người đàn bà điên ga Lưu xá*  **2. Tác phẩm**  **\* Xuất xứ:** Bài thơ sáng tác năm 1936 đăng trên báo “Tinh hoa”, được tuyển vào tập “Thi nhân Việt Nam” của Hoài Thanh, Hoài Chân. | | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu chung VB** | | | **Tác giả** | - Vũ Đình Liên (1913-1996), quê ở Hải Dương nhưng chủ yếu sống ở Hà Nội  - Là một trong những nhà thơ đi đầu của phong trào Thơ mới  - Phong cách sáng tác: mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ  - Sáng tác tiêu biểu: *Ông đồ, Lòng ta là những hàng thành quách cũ, Luỹ tre xanh, Người đàn bà điên ga Lưu xá* | | **Xuất xứ** | Bài thơ sáng tác năm 1936 đăng trên báo “Tinh hoa”, được tuyển vào tập “Thi nhân Việt Nam” của Hoài Thanh, Hoài Chân. | | | | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nhóm 2 HS trao đổi với nhau về kết quả đọc trực tiếp ở nhà. Mõi bạn có 1 phút 30 giây để trao đổi  - HS đọc diễn cảm bài thơ trước lớp. Các HS khác đánh giá kết quả đọc diễn cảm dựa trên bảng kiểm sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đọc to, rõ, trôi chảy |  |  | | Ngắt nhịp đọc hợp lí |  |  | | Tốc độ đọc phù hợp |  |  | | Lựa chọn được giọng đọc phù hợp với nội dung tình cảm,  cảm xúc được thể hiện trong bài thơ |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ (1). Sau khi GV nhận xét về nhiệm vụ (1) cả lớp thực hiện nhiệm vụ (2).  **Bước 3: Báo cáo. thảo luận**  Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả. -HS đọc diễn cảm. Các HS khác đánh giá kết quả đọc theo bảng kiểm đã công bố.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV đánh giá kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS với việc đọc, số lượng và chất lượng câu trả lời cho hoạt động *Trải nghiệm cùng VB*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở hoạt động này.  - GV nhận xét kết quả đọc diễn cảm và cách HS đánh giá đồng đẳng ở hoạt động này.. | | | | | | | **3. Hướng dẫn đọc**  **a. Đọc, chú thích**  **- Đọc, tìm hiểu từ ngữ:**  + Đọc: Hai khổ đầu: giọng vui, phấn khởi ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2. Khổ 3,4: giọng trầm buồn xúc động, khổ cuối giọng trầm, buồn xúc động bâng khuâng.  + Từ khó: *Nghiên, ông đồ* | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành PHT số 2 trong thời gian 5 phút.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** | | - Thể thơ |  | | -PTBĐ |  | | - Đặc điểm  + số dòng/ khổ  + Số tiếng/ dòng  + Gieo vần  + Ngắt nhịp |  | | - Nhân vật trữ tình |  | | - Đối tượng trữ tình |  | | - Bố cục |  | | - Mạch cảm xúc |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  **Bước 3. Báo cáo kết quả:**  - GV gọi 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | | | | | | **b. Đặc điểm thể loại**  **\* Thể thơ: ngũ ngôn (năm chữ)**  + Có 5 khổ, mỗi khổ 4 câu, mỗi câu 4 tiếng.  + Vần chân (gieo ở tiếng cuối câu, vần cách, vần liền, bằng trắc xen kẽ hoặc nối tiếp).  + Ngắt nhịp: 2/3 hoặc 3/2  **\* Đề tài, chủ đề:**  - Đối tượng trữ tình: Viết về ông đồ  - Nhân vạt trữ tình: Niềm thương cảm của nhà thơ với ông đồ và lớp người như ông, niềm nhớ tiếc quá khứ với những phong tục văn hóa đẹp đẽ.  **\*Bố cục: 3 phần**  + Khổ 1,2: Cảm xúc trước hình ảnh ông đồ thời đắc ý  + Khổ 3,4: Cảm xúc trước hình ảnh ông đồ  thời tàn  + Khổ 5: Niềm hoài cổ của nhà thơ.  **->Mạch cảm xúc**: Bài thơ kết cấu theo trình tự thời gian làm bật được tình cảnh đáng thương của ông đồ và nỗi lòng của tác giả. | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** | | - Thể thơ | - Năm chữ | | -PTBĐ | - Biểu cảm ( kết hợp với tự sự và miêu tả) | | - Đặc điểm  + số dòng/ khổ  + Số tiếng/ dòng  + Gieo vần  + Ngắt nhịp | + Có 5 khổ, mỗi khổ 4 câu, mỗi câu 4 tiếng.  + Vần chân (gieo ở tiếng cuối câu, vần cách, vần liền, bằng trắc xen kẽ hoặc nối tiếp).  + Ngắt nhịp: 2/3 hoặc 3/2 | | - Nhân vật trữ tình | - Nhà thơ - bộc lộ nièm thương cảm đối với ông đồ | | - Đối tượng trữ tình | - Viết về ông đồ - lớp nhà nho lỗi thời khi nền Hán học suy tàn. | | - Mạch cảm xúc | Bài thơ kết cấu theo trình tự thời gian làm bật được tình cảnh đáng thương của ông đồ và nỗi lòng của tác giả. | | - Bố cục | - 3 phần:  + Khổ 1,2: Cảm xúc trước hình ảnh ông đồ thời đắc ý  + Khổ 3,4: Cảm xúc trước hình ảnh ông đồ  thời tàn  + Khổ 5: Niềm hoài cổ của nhà thơ. | | | | | | | | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  -Thảo luận nhóm hoàn thành PHT 3 trên khổ giấy A1  Nhóm 1,2: Khổ 1,2  Nhóm 3,4: Khổ 3,4   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong bài thơ**  **Đọc kĩ các khổ thơ trong văn bản hoàn thành PHT** | | | | Khổ thơ | Dấu hiệu nghệ thuật | Tác dụng, ý nghĩa | |  |  |  | |  |  |  |   -Thời gian: 7 phút. Sau 7 phút các nhóm chuyển sản phẩm chấm chéo N1<-> N2  N2<-> N3.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3. Báo cáo kết quả:**  - HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Đánh giá kết quả:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  *GV: Theo phong tục, khi tết đến, người ta thường sắm câu đối họăc đôi chữ nho viết trên giấy đỏ hoặc lụa đỏ để dán trên vách, trên cột nhà, vừa để trang hoàng nhà cửa thêm đẹp, vừa để gửi gắm lời chúc tốt lành. Khi đó, người ta phải tìm đến ông đồ (người hay chữ). Ông đồ tài hoa và cốt cách là trung tâm của không gian ngày Tết. Đó là sự hòa hợp của các yếu tố thiên thời, địa lợi (thiên nhiên đẹp đẽ, ấm áp, không khí vui tươi với những bông hoa đào nở,...) và bên cạnh đó là sự hòa hợp của con người - nhân hòa (người thuê viết chữ ông rất đông). Hình ảnh của ông đồ xuất hiện trong ngày Tết là một nét phong tục tao nhã, một nét đẹp văn hóa của dân tộc. Qua hai khổ thơ đầu, chúng ta không chỉ thấy được sự trân trọng của mọi người mà còn thấy được tấm lòng trân trọng của nhà thơ đối với ông đồ cũng như đối với nét đẹp văn hóa dân tộc.*  *Nhưng đến những năm đầu TK20, nền Hán học (chữ nho) dần mất vị thế quan trọng khi chế độ thi cử PK bị bãi bỏ (Khoa thi cuối cùng vào năm 1915), một thành trì văn hóa cũ sụp đổ. Các nhà nho từ chỗ là nhân vật trung tâm trong đời sống VH tinh thần của dân tộc được XH tôn vinh bỗng chốc bước lạc hướng thời đại, bị bỏ quên và cuối cùng vắng bóng. Trẻ con không đi học chữ nho nữa mà học chữ Pháp, Nhật, quốc ngữ. Cuộc sống tây hóa khiến người ta không còn vui sắm câu đối chơi tết nữa. Ông đồ vắng bóng và biến mất trên đường phố ngày tết và trong tâm trí của mọi người. Và hình ảnh ông đồ được phác họa ntn, chúng ta chuyển sang khổ 3,4.* | | | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ**  **\* Khổ 1,2: Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | | | | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP 3A**  **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong bài thơ**  **Đọc kĩ các khổ thơ trong văn bản hoàn thành PHT** | | | | | | | | |
| **Khổ thơ** | **Dấu hiệu nghệ thuật** | **Tác dụng, ý nghĩa** | | | | | | |
| **Khổ 1,2** | ***\* Bối cảnh xuất hiện:***  **- Thời gian:** hoa đào nở  🡪Báo hiệu Tết đến, xuân về  **- Không gian:** bên phố, đông người qua lại.  -*“Mỗi năm”, “lại”*  - Hình ảnh sóng đôi *“hoa đào – ông đồ* | *->* Ông đồ xuất hiện vào dịp Tết xuân về, mùa đẹp nhất, náo nhiệt, nhộn nhịp nhất trong năm.  -> nhịp điệu xuất hiện đều đặn, đã thành một thông lệ, một quy luật cho thấy bước chuyển động cuat thời gian  -> sự đồng hiện như một lẽ tất yếu của mùa xuân  ***=>*** *Ông đồ xuất hiện không chỉ một năm mà hàng năm như một quy luật tuần hoàn của thời gian, không gian và con người Hình ảnh ông đồ đã ăn sâu vào tâm thức người Việt, như một nét đẹp không thể thiếu trong nét đẹp văn hóa ngày Tết* | | | | | | |
| ***\* Hình ảnh ông đồ:***  - Công việc: Bày mực tàu, giấy đỏ  - Tài năng:  *“Hoa tay thảo những nét*  *Như phượng múa, rồng bay”.*  🡪 Nghệ thuật Hoán dụ (*hoa tay)*, so sánh (*như*…), thành ngữ (*phượng múa rồng bay* | - Viết câu đối bằng chữ thư pháp, mang đến may mắn, niềm vui cho mọi gia đình.  -> Phong tục ngày tết ở nước ta xưa.  - Ông đồ là một người tài hoa, sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật  -> làm nổi bật tài hoa, cốt cách của ông đồ. | | | | | | |
| ***\* Thái độ của mọi người:***  *- Bao nhiêu..thuê viết, tấm tắc, ngợi khen* | -Yêu mến, ngưỡng mộ, ngợi ca ông đồ, khen ngợi tài viết chữ của ông. | | | | | | |
| **-> Kết luận: *Ông đồ là hình ảnh không thể thiếu, là trung tâm của sự chú ý, là đối tượng của sự ngưỡng mộ làm nên nét đẹp của văn hóa, truyền thống dân tộc. Sự hòa hợp giữa ông đồ- hoa đào- công chúng cũng là sự hòa hợp giữa thiên nhiên- con người- thời đại*** | | | | | | | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  -Thảo luận nhóm hoàn thành PHT 3 trên khổ giấy A1  Nhóm 3,4: Khổ 3,4   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong bài thơ**  **Đọc kĩ các khổ thơ trong văn bản hoàn thành PHT** | | | | Khổ thơ | Dấu hiệu nghệ thuật | Tác dụng, ý nghĩa | |  |  |  | |  |  |  |   -Thời gian: 7 phút. Sau 7 phút các nhóm chuyển sản phẩm chấm chéo N2<-> N3.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3. Báo cáo kết quả:**  - HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Đánh giá kết quả:**  *Giờ đây ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy, ông ngồi trong mưa bụi bay và lá vàng rơi trên giấy. Ông ngồi đấy lặng lẽ mà trong lòng ông là một tấn bi kịch, là sự sụp đổ hoàn toàn. Ông đồ ở 2 khổ thơ sau là ông đồ một thời tàn, bị bỏ rơi vào sự vô tình, lãng quên của mọi người. Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc. Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. Hình ảnh ông đồ chính là “ di tích tiều tụy, đáng thương của một thời tàn” - nói như lời của tác giả. Và nhà thơ Tú Xương cũng đã phản ánh sự suy tàn của chữ nho:*  *“ Nào có hay gì cái chữ nho*  *Ông nghè, ông cống cũng nằm co…”* | | | | | | | | **\* Khổ 3,4: Hình ảnh ông đồ thời tàn.** |
| **PHIẾU HỌC TẬP 3B**  **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong bài thơ**  **Đọc kĩ các khổ thơ trong văn bản hoàn thành PHT** | | | | | | | | |
| **Khổ 3,4** | \* ***Bối cảnh xuất hiện:***  Ông đồ vẫn ngồi đấy (bên lề phố, khi Tết đến xuân về) | - Ông đỗ vẫn muốn góp mặt vào sự đông vui của phố phương, vẫn muốn giúp ích cho mọi người | | | | | | |
| ***\* Thái độ của mọi người:***  - *Mỗi năm mỗi vắng*  - *Người thuê viết nay đâu*?  - *Qua đường không ai hay*  + Từ*“nhưng”*  + Cặp từ hô ứng *“mỗi ….mỗi”*  + Câu hỏi tu từ: *“Người thuê viết nay đâu?”*:. | - Thể hiện sự tương phản, đối lập giữa quá khứ và hiện tại khép lại quá khứ tươi đẹp, mở ra hiện tại vắng vẻ.  - Bước đi, sự trôi chảy của thời gian. Theo thời gian mọi người tìm đến ông đồ mua chữ ít dần, rồi vắng bóng  - Tìm về quá khứ, buồn trước sự đổi thay  -> Khung cảnh hiu hắt, quạnh vắng.  => Tâm trạng: Buồn tủi, xót xa cho thực tại, Nuối tiếc quá khứ tươi đẹp  => Sự thay đổi thái độ của mọi người với ông đồ là biểu hiện của nền văn hóa bị lụi tàn, bị đổi thay, nét đẹp văn hóa một thời nay không còn nữa. | | | | | | |
| **\* Cảnh vật*:***  ***“*** *Giấy đỏ - buồn; Mực - sầu...”*  -> nhân hóa | => Trời đất, đồ vật dường như cũng ảm đạm, buồn bã cùng với ông đồ. Nỗi buồn tủi của ông đồ như thấm vào những vật vô tri, vô giác. | | | | | | |
| ***- Hình ảnh ông đồ***  + Nghệ thuật tương phản :  Ông đồ ngồi đấy >< không ai hay  Giấy nằm im >< lá vàng rơi  🡪***Sự đối lập***: ông đồ với cuộc đời  *“Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay”*  - “*Lá vàng rơi”*  - “*Mưa bụi”*  🡪 Tả cảnh ngụ tình | -> Ông đồ vẫn cố gắng níu kéo, gìn giữ những giá trị của văn hóa tinh thần đẹp đẽ, nhưng cuộc đời và thời cuộc lại vô tình với ông  *-> Ông đồ cô đơn lạc lõng giữa dòng đời hối hả. Ông đồ bị gạt ra bên lề của cuộc sống*  -> Gợi sự tàn tạ, buồn bã, rơi rụng  -> Báo hiệu một sự tàn tạ của nền Nho học  -> Gợi sự ảm đạm, lạnh lẽo tới buốt giá.  **🡪 Nhấn mạnh nỗi buồn, sự cô đơn của ông đồ** | | | | | | |
| ***=>* Kết luận*: Ông đồ vốn là trung tâm của cuộc sống nay bị gạt ra bên lề cuộc đời và dần dần chìm vào quên lãng -> Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc.*** | | | | | | | | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | | | | **Dự kiến sản phẩm** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu khổ thơ cuối, dùng kĩ thuật động não yêu cầu HS lần lượt trả lời cá nhân các câu hỏi.  *1. Trong hai câu thơ đầu, tác giả sử dụng biện pháp NT gì? Tác dụng?*  *2. Câu hỏi tu từ cuối bài thể hiện tâm tư gì của nhà thơ? Qua đó, em hiểu nhà thơ là người ntn?*  *3. Trao đổi và chia sẻ để trả lời các câu hỏi.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (khổ 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi, trao đổi cặp đôi.  **GV**: giải thích, bình thêm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS**  - Gọi HS trải lời câu hỏi  - Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau  **Phiếu bài tập số 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | **Hình ảnh ông đồ thời tàn** | | **Khung cảnh** |  |  | | **Hình ảnh**  **ông đồ** |  |  | | **Tình cảm của nhà thơ** |  |  | | | | | **3. Tình cảm, cảm xúc của bài thơ.**  - **+ 2 câu đầu:**  - Sử dụng NT: phép đối: thấy >< không thấy.  - Kết cấu đầu cuối tương ứng  ( Hình ảnh hoa đào) chặt chẽ làm nổi bật chủ đề: “Cảnh cũ người đâu”.  => Sự thất thế, tàn tạ đáng buồn của ông đồ. Hình ảnh ông đồ đã trở thành dĩ vãng, vắng bóng trong cuộc sống hiện đại.  **+ 2 câu cuối:** Là một câu hỏi tu từ, một lời tự vấn của nhà thơ. Câu thơ chứa đầy cảm xúc và mang ý nghĩa khái quát. Từ hình ảnh ông đồ ngồi viết câu đối mỗi độ xuân về, nhà thơ đã nói đến cả một lớp “người muôn năm cũ”- những nhà Nho xưa.  => Câu hỏi đã toát lên niềm thương cảm chân thành cho những nhà Nho danh giá một thời nay bị lãng quên do thời cuộc thay đổi.  - Thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc ta nay bị tàn tạ, lãng quên.  => Đó chính là tinh thần dân tộc, lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ.  - Ông muốn nhắn nhủ thế hệ trẻ: hãy giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hóa của dân tộc.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | **Hình ảnh ông đồ thời tàn** | | **Khung cảnh** | Bức bức tranh xuân tươi tắn, rộn rã | Bức tranh xuân tàn lụi, ảm đạm, mưa bụi, lá vàng… | | **Hình ảnh**  **ông đồ** | Ông đồ là hình ảnh *trung tâm*, tài năng được mến mộ | Ông đồ *đáng thương, cô độc,* lạc lõng, bị mọi người quên lãng. | | **Tình cảm của tác giả** | -Trân trọng, ngợi ca ông đồ  - Trân trọng chữ nho, thú chơi chữ – nét đẹp văn hoá của dân tộc. | -Xót thương cho một lớp người.  -Luyến tiếc khi nhìn thấy nét đẹp văn hóa của dân tộc bị phôi pha. |   => Sự tương phản làm nổi bật sự thăng trầm của số phận ông đồ, sự phai nhạt một nét đẹp văn hóa  => Thể hiện cảm hứng thương người và hoài cổ của Vũ Đình Liên. | | | | |
| GV: Tổng hợp lại kiến thức: | | | |  | | | | |
| |  | | --- | | Description: small_nvn_1239239828  **Nỗi ngậm ngùi, xót thương, hoài niệm** | | | | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*Think- Pair- Share:  Cho hs suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  *? Em hãy khái quát chủ đề của bài thơ và cho biết từ văn bản, em đã nhận ra những bài học ý nghĩa nào trong cuộc sống?*  Thời gian 3 phút  -Yêu cầu mỗi hs suy nghĩ độc lập, ghi ra giấy note ý kiến của riêng mình. Sau đó bắt cặp chia sẻ với bạn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc, suy nghĩ độc lập, thảo luận trao đổi cặp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi ngẫu nhiên nhóm lên chia sẻ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá, kết luận, ), chốt kiến thức. | | | | **3. Chủ đề, thông điệp của bài thơ.**  **3. Chủ đề, thông điệp của bài thơ.**  **\* Chủ đề:**  Thể hiện niềm hoài cổ, một tình yêu thương của nhà thơ với những ông đồ thời sắp lụi tàn.  **\* Thông điệp của bài thơ:**  - Tác phẩm cũng muốn nhắc nhở người đọc cần phải biết trân trọng quá khứ và gìn giữ những giá trị tốt đẹp về văn hoá, tinh thần để không phải nuối tiếc, ân hận. | | | | |
| **Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  *? Nội dung chính của văn bản “Ông đồ”?*  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nêu cách đọc văn bản thơ 5 chữ?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  **HS**báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **Bước 4. Kết luận, nhận định(GV)**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | | | | **1. Nội dung:**  - Tình cảnh thất thế, tàn tạ đáng thương của ông đồ.  - Niềm thương cảm của tác giả trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.  **2. Nghệ thuật:**  - Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng, khai thác có hiệu quả. Giọng điệu chủ yếu của bài là ngậm ngùi, trầm lắng.  - Kết cấu tương phản, có hình ảnh đầu cuối lặp lại.  - Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.  **3. Cách đọc năm chữ**  - Đọc kĩ văn bản, xác định khổ thơ, vần thơ, nhịp thơ trong văn bản đó.  - Xác định nhân vật trữ tình.Bài thơ viết về ai và viết về điều gì? cảm xúc bộc lộ trong bài thơ.  - Nhận biết, nêu tác dụng của những từ ngữ và biện pháp nghệ thuật trong bài thơ.  - Vận dụng những trải nghiệm trong cuộc sống để đọc hiểu được nội dung, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Kết nối ý nghĩa của văn bản để liên hệ với bản thân và cuộc sống. | | | | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH**

**a.Mục tiêu:**Thực hành nhận biết đặc sắc nội dung, nghệ thuật của bài thơ và rèn kĩ năng phân tích giá trị của biện pháp tu từ**.**

**b. Nội dung:**

**-**Vẽ sơ đồ tư duy củng cố nội dung bài học.

**-** Học sinh viết cảm nhận của bản thân về đặc sắc nội dung, nghệ thuật của câu thơ 5 chữ tiêu biểu trong bài.

**c. Sản phẩm: -** Sơ đồ tư duy biểu thị nội dung chính của bài học**.**

**-** Bài viết ngắn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV sử dụng phương pháp sơ đồ tư duy, kĩ thuật phòng tra và viết tích cực yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:  **Bài 1**: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung cần ghi nhớ khi đọc hiểu bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.  **Bài 2**: Viết đoạn văn phân tích cái hay của hai câu thơ:  a.  *Giấy đỏ buồn không thắm*  *Mực đọng trong nghiên sầu*  b.  *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài trời mưa bụi bay*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS vẽ sơ đồ tư duy vào giấy A4, cho 2 HS vẽ vào giấy A0.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo cá nhân nội dung câu trả lời. HS khác bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của bạn theo tiêu chí.  - Giáo viên đánh giá, kết luận | **(Đoạn văn tham khảo bên dưới)** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng những kiến thức đã học từ bài thơ để nhận biết các vấn đề xã hội liên quan, đọc hiểu các văn bản thơ năm chữ khác.

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện cá nhân nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS quan sát một số hình ảnh về ông đồ thời nay và yêu cầu các em thực hiện bài tập.  *Qua bài thơ Ông đồ em hiểu gì về tục xin chữ khi Tết đến xuân về? Nếu vẽ minh họa cho bài thơ, em sẽ vẽ hình ảnh nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện cá nhân nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày ý kiến cá nhân và bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của bạn.  - Giáo viên đánh giá, kết luận. | Nét đẹp văn hóa Việt: Ông Đồ và tập tục  ảnh ông đồ.jpg |

**Bài 1: Đoạn văn tham khảo**

**a. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ**

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu*

Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn sầu tủi của ông đồ khi vắng bóng những người thuê viết. Trong hoàn cảnh Tết đến xuân về khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố mong giúp ích cho đời với niềm vui thảo chữ đầu năm, nhưng người đời đã thay đổi thái độ với ông. Phố vẫn đông nhưng khách đến mua chữ vắng dần, mỗi năm mỗi vắng. Bên phố đông người, ông ngồi buồn nhìn dòng đời qua lại như có ý đợi chờ khách tìm đến. Nhưng phố vẫn đông mà chẳng ai chú ý đến ông đến sự có mặt của ông bên lề phố để nỗi buồn của ông như thấm vào cánh vật “*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*”. Với nghệ thuật nhân hóa đặc sắc (các từ *buồn*, *sầu* vốn chỉ tâm trạng của con người được sử dụng trong lời thơ năm chữ Vũ Đình Liên đã tạo nên lời thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút, khiến cho các sự vật vô tri như giấy và nghiên mực như có linh hồn, cũng cảm thấy như con người bơ vơ lạc lõng. Hình ảnh thơ gợi cho ta thấy từng tờ giấy đỏ cứ phơi ra mà chẳng được bút lông chạm đến trở nên bẽ bàng, màu đỏ của nó cũng không thắm lên được, không thể tươi màu son đỏ. Nghiên mực không được bút lông chấm vào nên không còn sóng sánh đen đặc mà như đọng nỗi sầu buồn tủi. Hình ảnh thơ phản chiếu tâm hồn ông đồ - một nỗi buồn u ám, trĩu nặng lên nghiên mực. Nỗi sầu tủi kết đọng hòa cùng mực, màu nước mắt, tạo thành nỗi sầu tủi của giấy mực, của nghiên, của chính ông đồ. Từ “đọng” như kéo nỗi buồn trĩu xuống, sầu kéo dài nỗi buồn thêm cùng đó. Dấu ba chấm lan tỏa trong không gian làm người đọc thêm nặng trĩu thương ông đồ và lớp người như ông. Và càng buồn hơn trước sự vô tình của người đời, khi nét đẹp văn hóa một thời không còn nữa.

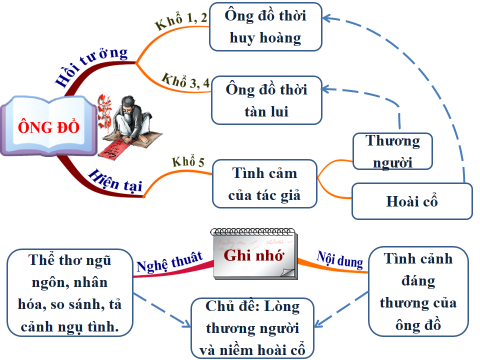
**b. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ:**

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay*

Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn trĩu nặng của ông đồ trước sự thờ ơ vô tình của người đời. Mỗi năm mỗi vắng, Tết đến xuân về, khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố vẫn mong được góp ích cho cuộc đời nhưng người đời đã quên hẳn ông, thờ ơ đến vô tình. Ông ngồi bên phố đông người với ánh mắt buồn nhìn dòng đời qua lại. Và nỗi buồn sầu của ông như thấm vào cảnh vật “Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài trời mưa bụi bay”. “Lá vàng” là lá cuối đông thả mình rơi trên giấy, đó là biểu hiện sự rơi rụng, tàn lụi. “Mưa bụi” là mưa nhỏ, nhè nhẹ. Hai câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc cho thấy trời đất cũng ảm đạm như chính lòng ông đồ. Tờ giấy đỏ lúc trước không thắm lên được, giờ lại được phủ lá vàng: gió mưa lá rụng phủ lên mặt giấy, lên vai ông đồ, mưa trên phố nhè nhẹ mà thấm đẫm nỗi buồn. Hình ảnh ông đồ như chìm dần, nhòe dần vào không gian đầy mưa gió. Mưa trên phố chính là mưa trong lòng người, để rồi từ đó vĩnh viễn không còn nhìn thấy ông đồ. Hình ảnh “lá vàng”, “mưa bụi” đã dệt nên tấm khăn liệm đưa ông đồ về cõi vĩnh hằng. Hai câu thơ gợi trong lòng ta niềm xót thương cho ông đồ, cho lớp người trở thành lỗi thời - thương cho những gì từng là giá trị, nay trở thành tàn tạ, rơi vào quên lãng.

**Bài 2: Sơ đồ tư duy**

****

**\* Hướng dẫn về nhà**

*1. Hướng dẫn HS học bài và làm bài tập vận dụng:*

- Về học kĩ nội dung của bài học và đọc.

- Nêu những việc làm của em để giữ gìn, phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc.

*2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau:*

Soạn bài:chuẩn bị trước bài:THTV Từ trái nghĩa, Biện pháp tu từ.

* Đọc, trả lời câu hỏi trong phần bài tập.
* Hoàn thành phiếu học tập:

Timeline

Description automatically generated

…………………\*\*\*…………………